



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

01/04/2024 – 05/03/2024

Khối Nghiên cứu











MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

THỬ THÁCH NGƯỠNG CẢN TÂM LÝ 1,300 ĐIỂM

- Chứng khoán thế giới tăng trưởng tốt nhất 5 năm nhờ cơn sốt AI và kỳ vọng về kịch bản 'hạ cánh mềm' của nền kinh tế Mỹ củng cố tâm lý lạc quan trên thị trường cổ phiếu.
- Ở mức 5,254 điểm, S&P 500 đã cao hơn 8% so với mục tiêu giá trung bình cuối năm 2024 của các chiến lược gia Phố Wall (4,861 điểm).
- Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell nhắc lại rằng ngân hàng trung ương này sẽ không vội trong việc cắt giảm lãi suất.
- Vn-Index lọt Top các chỉ số có hiệu suất tốt nhất trên thế giới kể từ đầu năm, cùng với các thị trường Nhật Bản và Đài Loan, vượt trội so với chỉ số S&P 500.
- Thanh khoản toàn thị trường quý 1 đạt 23,723 tỷ đồng, tăng gấp 2.1 lần so với cùng kỳ, khối ngoại bán ròng -11,550 tỷ đồng kể từ đầu năm.
- Kể từ năm 2010 đến 2023, chỉ số Vn-Index có 7 lần tăng và 7 lần giảm trong tháng 4, trung bình mức tăng/giảm là +6.99%/-3.83%, cho cả thời gian trên, thị trường tăng 1.58%. Do vậy, chúng tôi dự phóng thị trường tháng 4 này sẽ dao động trong vùng: 1,250 – 1,310 điểm.
- Hiệu suất Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa và nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ tỷ giá.

Các sự kiện chính trong tuần này (01/04 – 05/04)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
01  Mỹ: Chỉ số sản xuất PMI (tháng 3)	02  Châu Âu: Chỉ số sản xuất PMI (tháng 3)	03  Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 3)  Mỹ: Chỉ số dịch vụ PMI (tháng 3)	04  Châu Âu: Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 3)	05  Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 3)  Mỹ: Bảng lương phi nông nghiệp (tháng 3)  Canada: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 3)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	783.58	0.29%	2.15%	7.78%	21.15%
Dow Jones	39,807.37	0.84%	1.84%	5.62%	19.63%
S&P 500	5,254.35	0.39%	2.28%	10.16%	27.86%
Europe	512.66	0.59%	3.03%	7.02%	11.97%
Japanese	40,369.44	-1.27%	1.15%	20.63%	43.96%
Korea	2,746.94	-0.06%	3.96%	3.45%	10.90%
China	3,041.17	-0.27%	0.47%	2.23%	-7.08%
HongKong	16,541.42	0.25%	-0.29%	-2.97%	-18.92%
Taiwan	20,146.55	-0.40%	6.39%	12.36%	26.96%
Indian	22,326.90	1.04%	-0.23%	2.74%	28.61%
Singapore	3,224.01	0.19%	2.81%	-0.50%	-1.07%
Malaysia	1,536.07	-0.41%	-0.13%	5.60%	7.98%
Indonesia	7,262.54	-0.92%	-0.68%	-0.14%	6.72%
Thailand	1,377.94	-0.22%	0.77%	-2.68%	-14.37%
Philippine	6,903.53	0.31%	-0.23%	7.03%	6.21%
Vietnam	1,284.09	0.18%	2.05%	13.64%	20.61%
Brent Oil	86.99	1.83%	4.12%	12.92%	9.05%
Crude Oil WTI	83.11	3.08%	3.93%	15.99%	9.83%
Gold	2,254.80	3.90%	7.59%	8.83%	14.51%
S&P 500 VIX	13.01	-0.38%	-0.76%	4.50%	-30.43%
Dollar Index	104.27	0.09%	0.45%	3.21%	2.04%
U.S. 10Y	4.21	0.19%	0.58%	8.90%	21.21%
U.S. 2Y	4.63	0.71%	2.09%	8.90%	14.62%

- Chứng khoán thế giới tăng trưởng tốt nhất 5 năm nhờ cơn sốt AI. Bên cạnh đó, kỳ vọng về kịch bản 'hạ cánh mềm' của nền kinh tế Mỹ củng cố tâm lý lạc quan trên thị trường cổ phiếu.
- Ở mức 5,254 điểm, S&P 500 đã cao hơn 8% so với mục tiêu giá trung bình cuối năm 2024 của các chiến lược gia Phố Wall (4,861 điểm).
- Chủ tịch Fed khẳng định không vội hạ lãi suất. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - đã giảm nhiệt trong tháng 2 sau khi tăng mạnh hơn dự báo trong tháng 1.
- Giá vàng gần đây liên tiếp tăng lên các mức cao kỷ lục nhưng không phải vì nỗi lo lạm phát. Thực tế cho thấy, thị trường vàng tỏa sáng giữa lúc xung đột Nga-Ukraine kéo dài dai dẳng, căng thẳng Mỹ-Trung dâng cao và Mỹ sắp bước vào cuộc bầu cử tổng thống mà kết quả có thể dẫn đến những tác động khó lường đối với các thị trường tài chính.
- Giá dầu WTI đã tăng 12.9% và giá dầu Brent tăng 16%. Động lực tăng giá cho dầu thô từ đầu năm tới nay là sự vững vàng của nền kinh tế Mỹ, triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiến tới cắt giảm lãi suất, các dự báo về sự thiếu hụt nguồn cung dầu toàn cầu trong năm nay, và căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông và ở Nga-Ukraine.

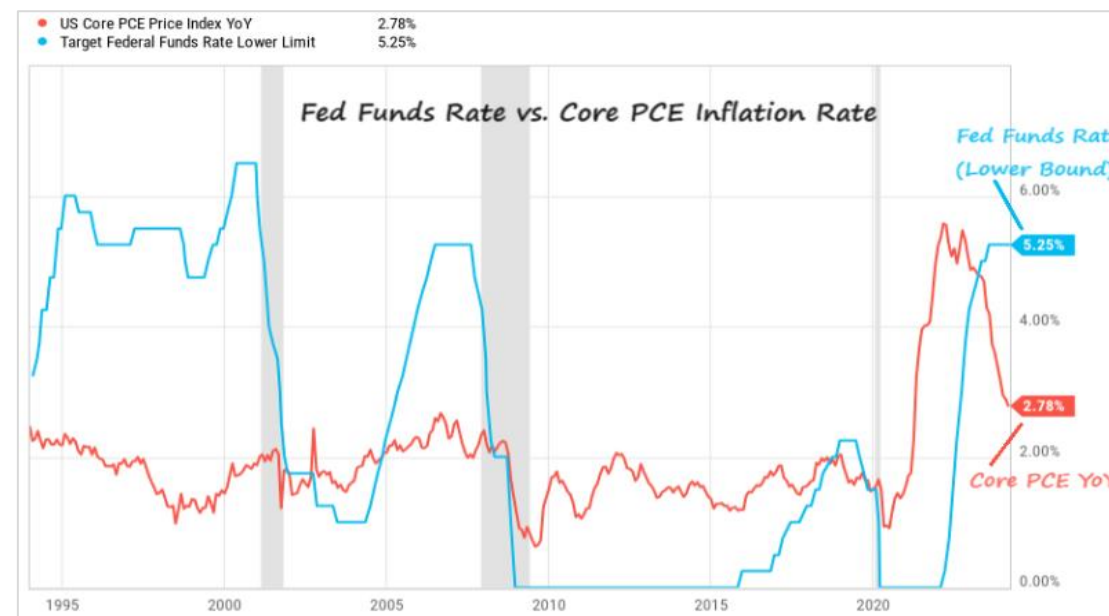
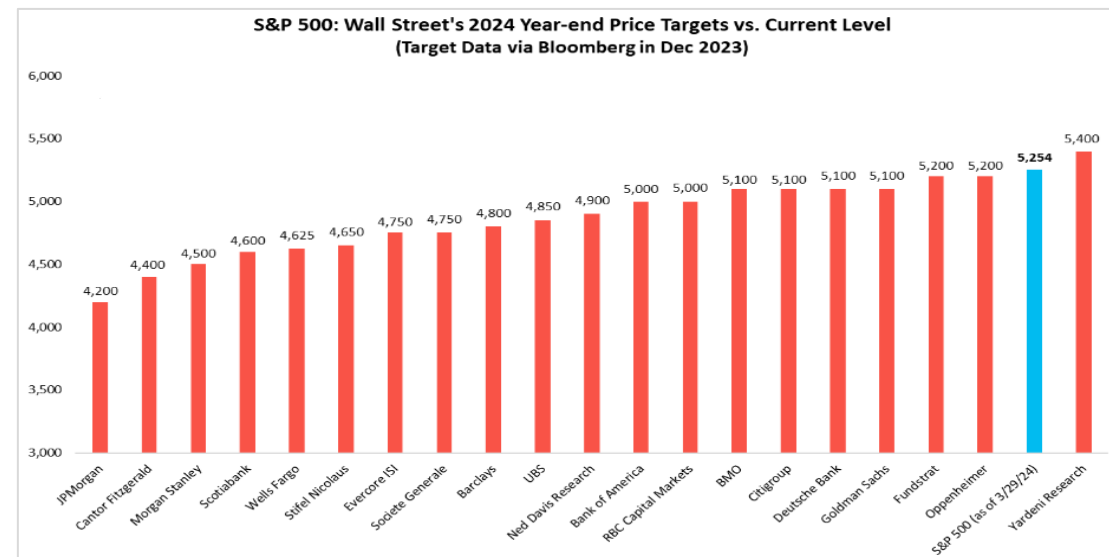
Nguồn: Investing, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ lập kỷ lục mới

- S&P 500 tăng 10.2%, hoàn tất quý 1 tăng mạnh nhất kể từ năm 2019. Trong quý 1/2019, thước đo rộng nhất của chứng khoán Mỹ ghi nhận mức tăng 13.1%. Ở mức 5,254 điểm, S&P 500 đã cao hơn 8% so với mục tiêu giá trung bình cuối năm 2024 của các chiến lược gia Phố Wall (4,861 điểm). Dow Jones tăng 5.6% trong quý này, đánh dấu quý đầu năm tăng mạnh nhất kể từ quý 1/2021 - kỳ mà chỉ số bluechip tăng 7.4%. Nasdaq tăng 9,1% trong quý.
- Cơ sở cốt lõi triết tuệ nhân tạo (AI), khả năng hạ cánh mềm của nền kinh tế Mỹ, và kỳ vọng vào việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiến tới cắt giảm lãi suất đã giữ vai trò là những chất xúc tác cho thị trường đi lên trong tháng này, quý này.
- Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell ngày 29/3 nhắc lại rằng ngân hàng trung ương này sẽ không vội trong việc cắt giảm lãi suất. Trên thị trường tài chính, giới đầu tư đang đặt cược vào khả năng Fed có đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 6.
- Báo cáo do Bộ Thương mại Mỹ công bố ngày 29/3 cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - đã giảm nhiệt trong tháng 2 sau khi tăng mạnh hơn dự báo trong tháng 1. PCE lõi - chỉ số không bao gồm giá của hai nhóm mặt hàng thường xuyên biến động là thực phẩm và năng lượng - tăng 0.3% trong tháng 2 sau khi tăng 0.5% trong tháng 1. Tuy nhiên, mức tăng gộp của hai tháng liên tiếp cho thấy PCE lõi tăng mạnh nhất trong vòng 1 năm. Ngoài ra, so với cùng kỳ năm trước, PCE lõi tăng 2.8%, vẫn còn cao so với mục tiêu lạm phát 2% của Fed.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Sự đảo ngược chính sách của các ngân hàng trung ương đang bắt đầu

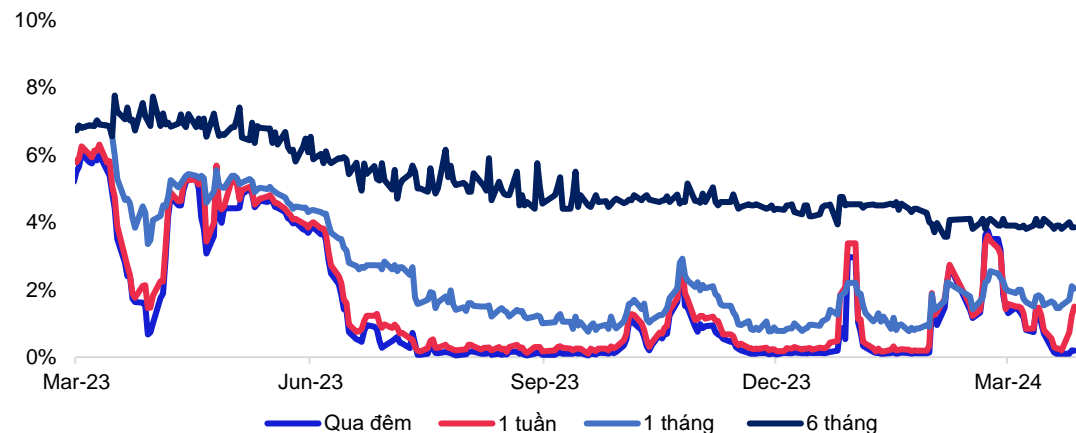
- Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ (SNB) đã trở thành ngân hàng trung ương lớn đầu tiên nói lỏng chính sách với động thái cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vì lạm phát đã nằm trong phạm vi mục tiêu 0 đến 2%.
- Cộng hòa Séc: giảm 50 bps xuống 5.75% (cắt lần 3).
- Brazil: 50 bps giảm xuống 10.75% (lần cắt thứ 6).
- Mexico: cắt giảm lãi suất lần đầu tiên sau 3 năm, 25 bps xuống 11.00%.
- Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) nhiều khả năng sẽ thực hiện giảm lãi suất vào tháng 6 khi lạm phát đang quay trở lại mục tiêu.
- Fed và Ngân hàng trung ương Anh (BoE) đều gợi ý rằng họ có thể là ngân hàng trung ương tiếp theo nhưng vẫn giữ quan điểm đủ mơ hồ để có thể thực hiện các động thái vào tháng 6 hoặc tháng 7, miễn là dữ liệu không làm đảo lộn kế hoạch.
- Trên thực tế, một số nhà kinh tế cho rằng thế giới đang trải qua những thay đổi sâu sắc đến mức xu hướng giảm lịch sử của lãi suất trung lập - không kích thích cũng không làm chậm tăng trưởng - có thể đảo ngược.
- Các nhà đầu tư kỳ vọng mỗi ngân hàng trung ương Fed, ECB và BoE sẽ chỉ cắt giảm lãi suất 75 điểm cơ bản vào cuối năm nay thông qua ba lần cắt giảm 25 điểm cơ bản - những thay đổi nhỏ so với lần tăng lãi suất vào năm 2022.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.05%	2.2%	-2.2%	Lower	Hike	Mar-24
Switzerland	Target Rate	1.50%	1.2%	0.3%	Lower	Cut	Mar-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	3.1%	-1.1%	Higher	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.50%	-0.8%	3.3%	Higher	Hike	Sep-23
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.5%	1.5%	Unchanged	Hike	May-23
China	Loan Prime Rate	3.45%	0.7%	2.8%	Higher	Cut	Aug-23
South Korea	Repo Rate	3.50%	3.1%	0.4%	Higher	Hike	Jan-23
Denmark	Deposit Rate	3.60%	0.8%	2.8%	Lower	Hike	Sep-23
Sweden	Repo Rate	4.00%	4.5%	-0.5%	Lower	Hike	Sep-23
Eurozone	Deposit Rate	4.00%	2.6%	1.4%	Lower	Hike	Sep-23
Australia	Cash Rate	4.35%	3.4%	0.9%	Lower	Hike	Nov-23
Norway	Deposit Rate	4.50%	4.5%	0.0%	Lower	Hike	Dec-23
Canada	Overnight	5.00%	2.8%	2.2%	Higher	Hike	Jul-23
UK	Bank Rate	5.25%	3.4%	1.9%	Lower	Hike	Aug-23
US	Fed Funds	5.38%	3.2%	2.2%	Higher	Hike	Jul-23
New Zealand	Cash Rate	5.50%	5.6%	-0.1%	Unchanged	Hike	May-23
Poland	Repo Rate	5.75%	2.8%	3.0%	Lower	Cut	Oct-23
Hong Kong	Base Rate	5.75%	2.1%	3.7%	Higher	Hike	Jul-23
Czech Republic	Repo Rate	5.75%	2.0%	3.8%	Lower	Cut	Mar-24
Indonesia	Repo Rate	6.00%	2.8%	3.3%	Higher	Hike	Oct-23
Saudi Arabia	Repo Rate	6.00%	1.8%	4.2%	Higher	Hike	Jul-23
Peru	Policy Rate	6.25%	3.3%	3.0%	Higher	Cut	Feb-24
Philippines	Key Policy Rate	6.50%	3.4%	3.1%	Higher	Hike	Oct-23
India	Repo Rate	6.50%	5.1%	1.4%	Lower	Hike	Feb-23
Chile	Base Rate	7.25%	4.5%	2.8%	Higher	Cut	Jan-24
South Africa	Repo Rate	8.25%	5.6%	2.7%	Higher	Hike	May-23
Brazil	Target Rate	10.75%	4.5%	6.3%	Lower	Cut	Mar-24
Mexico	Overnight Rate	11.00%	4.4%	6.6%	Lower	Cut	Mar-24
Colombia	Repo Rate	12.75%	7.7%	5.0%	Lower	Cut	Jan-24
Russia	Key Policy Rate	16.00%	7.7%	8.3%	Higher	Hike	Dec-23
Turkey	Repo Rate	50.00%	67.1%	-17.1%	Higher	Hike	Mar-24
Argentina	Overnight Repo	80.00%	276.2%	-196.2%	Higher	Cut	Mar-24

Lãi suất

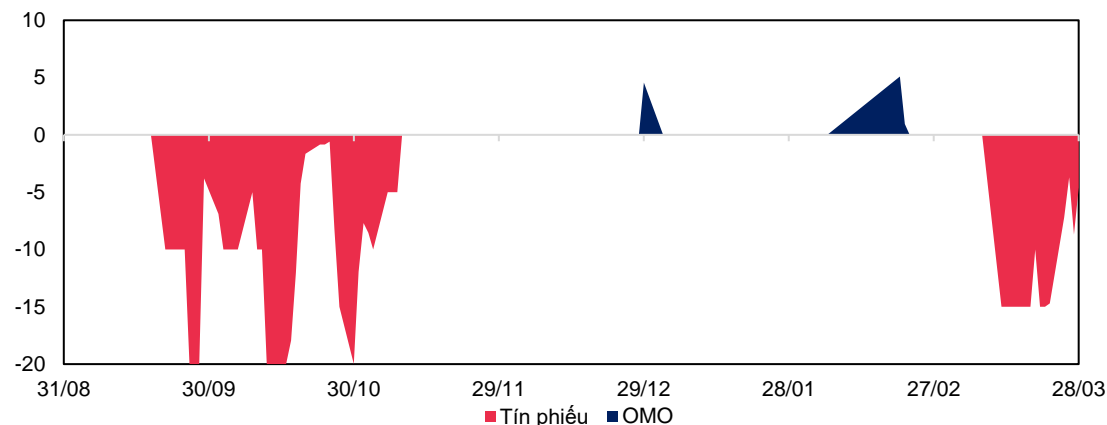
- Trong tuần vừa qua, NHNN đã hút ròng thêm hơn 24.2 nghìn tỷ đồng với mỗi phiên hút đều có kỳ hạn là 28 ngày, lượng tín phiếu phát hành đã giảm đáng kể so với tuần trước nhưng lãi suất trúng thầu lại có xu hướng nhích tăng khi đang dao động từ 1.6%-2.5%. Tổng khối lượng tín phiếu đã phát hành tính đến thời điểm hiện tại là gần 169 nghìn tỷ đồng và sẽ đáo hạn vào giữa tháng 4.
- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm duy trì đi ngang trong tuần vừa qua mức và hiện đang giao dịch tại mức 0.2% cho thấy dư địa về thanh khoản trong hệ thống vẫn dồi dào. Lãi suất tại các kỳ hạn dưới 1 tháng khác cho thấy xu hướng tăng nhẹ và đang trong khoảng 1.2%-2% trong khi kỳ hạn dài 6 tháng lại đang giảm dần và hiện đang ở mức 3.8%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

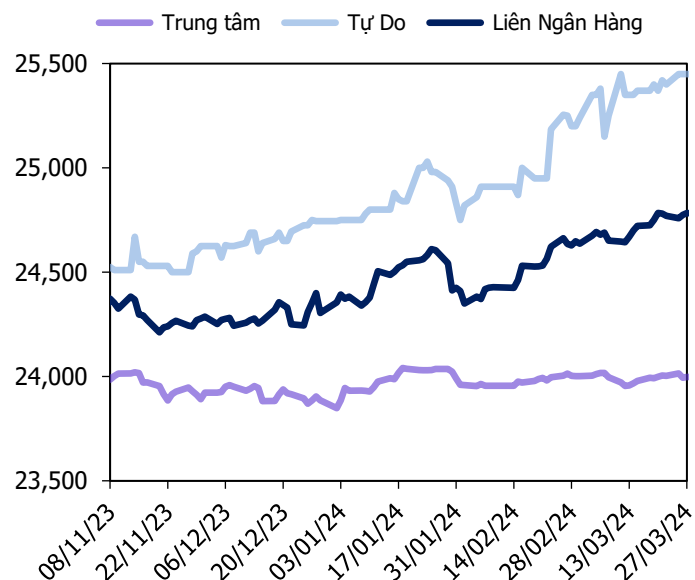


Nguồn: Các NHTM, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

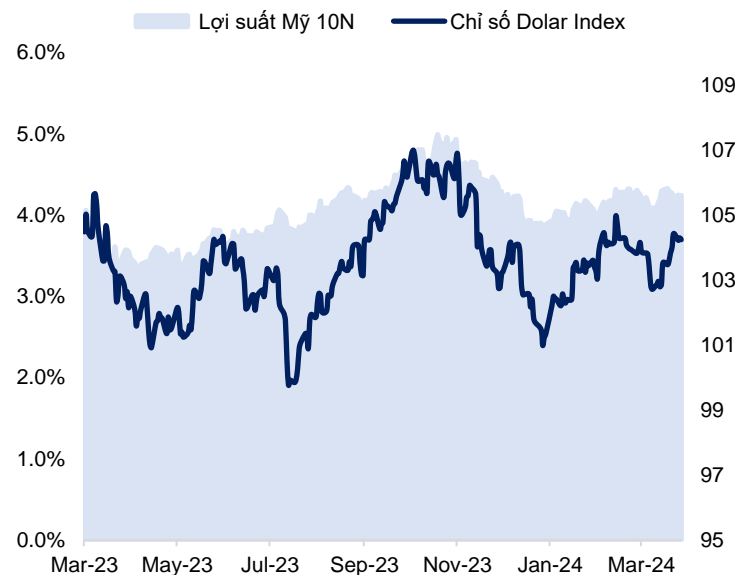
Đồng USD đã bật tăng lên mức 104.3 sau khi dữ liệu cho thấy đơn đặt hàng đối với hàng hóa sản xuất lâu bền của Mỹ tăng hơn dự kiến (+1.4%) trong tháng 2, trong khi chi tiêu của doanh nghiệp cho cơ sở vật chất có dấu hiệu phục hồi do triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế trong quý đầu tiên vẫn lạc quan. Tỷ giá trong nước vẫn chưa thấy dấu hiệu hạ nhiệt và liên tục đạt mức đỉnh mới. Tỷ giá liên ngân hàng hiện đang giao dịch tại 24,783 VND/USD, tăng 1.7% kể từ đầu năm. Tỷ giá tại thị trường tự do vượt qua mức đỉnh của năm ngoái và đang giao dịch tại 25,450 VND/USD trong khi tỷ giá trung tâm duy trì ổn định quanh ngưỡng 23,998 VND/USD, tỷ giá tại hai thị trường lần lượt tăng 2.8% và 0.5% kể từ đầu năm.

Tỷ giá USD/VND



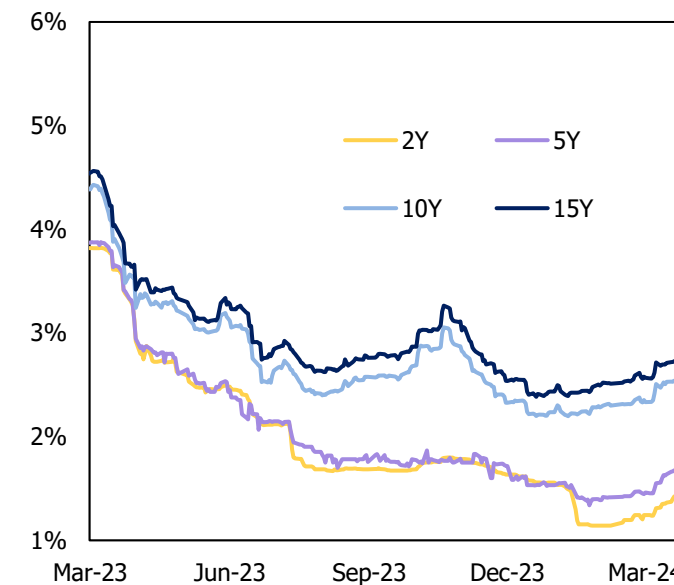
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

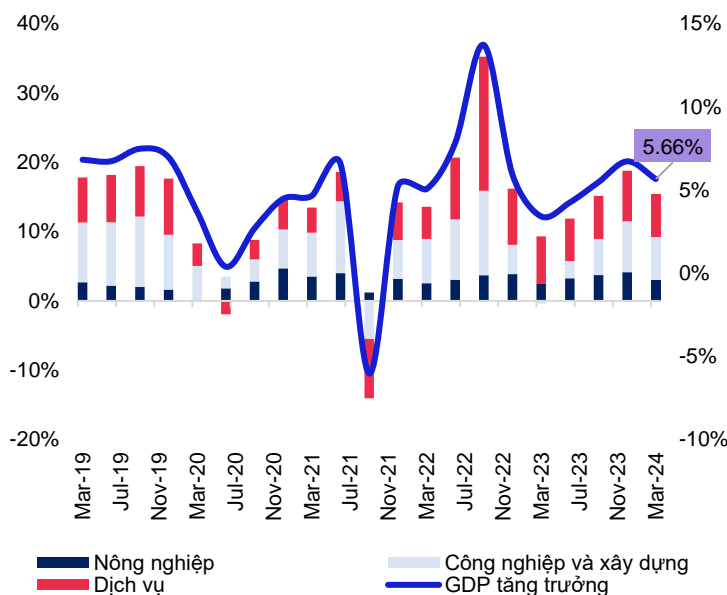


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

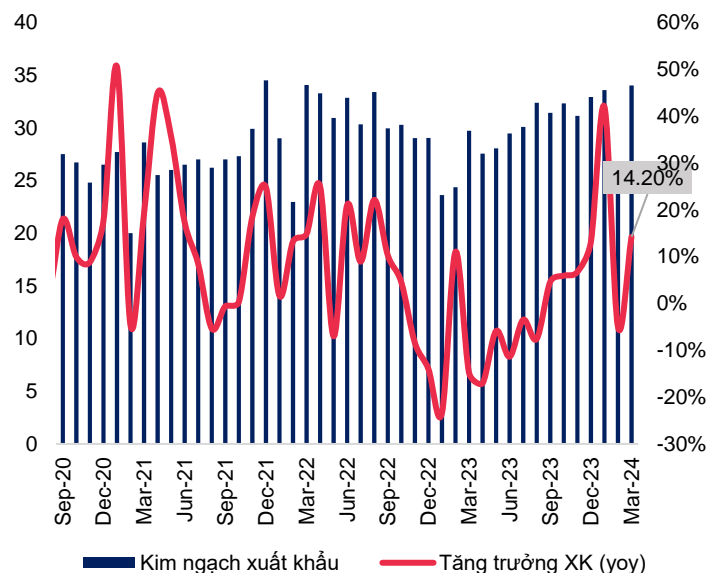
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Kinh tế vĩ mô trong nước

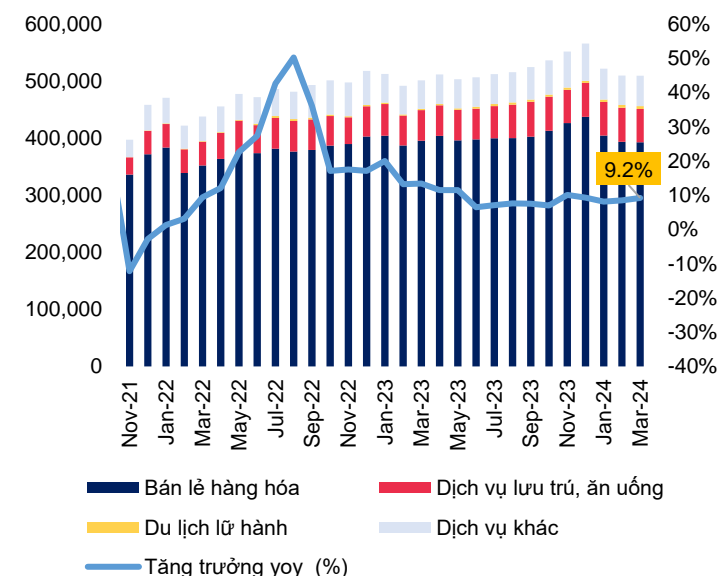
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2024 ước tính tăng 5.6% yoy, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6.2%; khu vực dịch vụ tăng 6.1%.
- Trong T3/24, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 34 tỷ USD, tăng 14.2% svck. Xuất khẩu tăng mạnh với sự tăng trưởng vượt bậc của các mặt hàng nông nghiệp và nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo như điện thoại, máy tính, máy móc thiết bị cũng có sự bứt phá rõ rệt khi đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trở lên. Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu giảm đáng kể so với tháng trước, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T3/24 ước tăng 20% so với tháng trước và tăng 4.1% svck. .
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 tăng 9.2% svck. Tính chung quý 1 năm 2024, tổng mức bán lẻ tăng 8.2% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 5.1% svck. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ khá khiêm tốn sau dịp Tết Nguyên đán nhu cầu tiêu dùng của người dân quay trở lại trạng thái bình thường và không còn tập trung chủ yếu vào các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu.



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research



Nguồn: TCTK, MBS Research



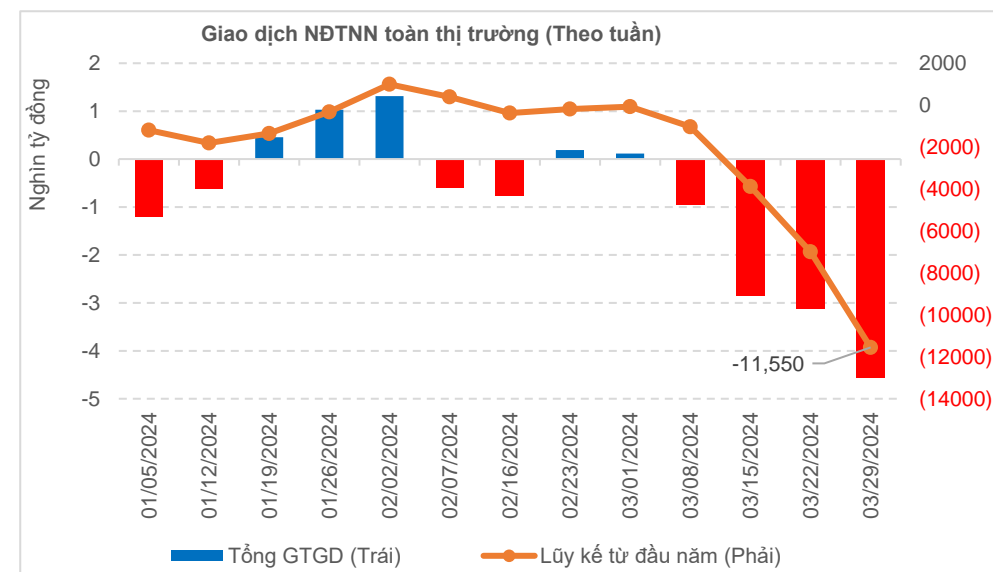
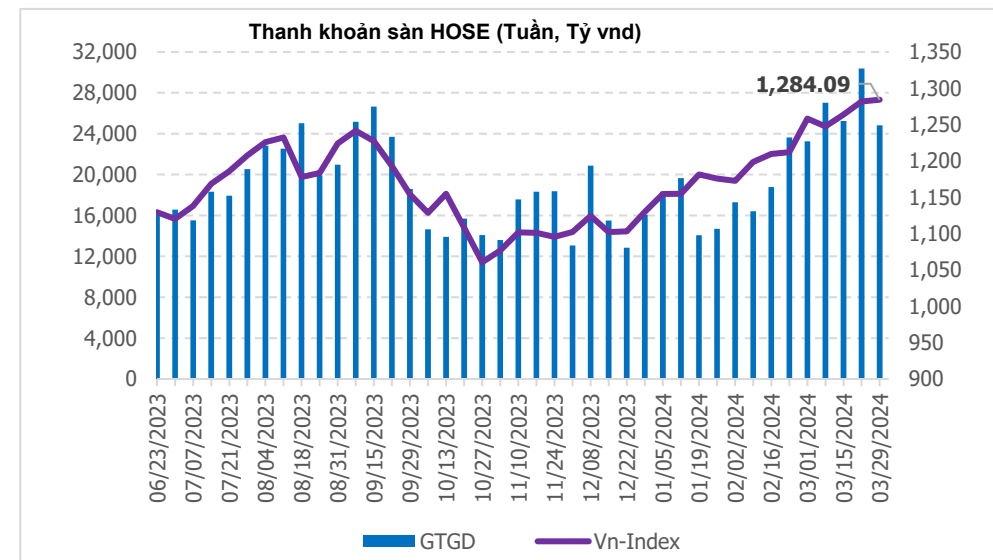
Nguồn: TCTK, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Vn-Index lọt Top các chỉ số có hiệu suất tốt nhất trên thế giới kể từ đầu năm

- Chỉ số Vn-Index vừa khép lại chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp, lọt Top các chỉ số có hiệu suất tốt nhất kể từ đầu năm cùng với các thị trường Nhật Bản (20.63%) và Đài Loan (12.36%) ở Châu Á, thậm chí vượt trội so với thị trường Mỹ (S&P 500: 10.16%).
- Trong quý 1, chỉ số Vn-Index tăng 13.64%, hoàn tất quý 1 tăng mạnh nhất kể từ năm 2019. Quý 1/2018, chỉ số này ghi nhận mức tăng 19.33%. Tính riêng trong tháng 3, chỉ số Vn-Index tăng 2.5%, đây cũng là tháng tăng thứ 5 liên tiếp của chỉ số này.
- Nhóm Vn30 với tỷ trọng cao từ nhóm cổ phiếu ngân hàng có thành tích tốt nhất thị trường, ghi nhận mức tăng 14.62%. Nhóm Midcap và Smallcap cũng có mức tăng lần lượt 12.27% và 11.21% trong quý này. Tính riêng trong tháng 3, nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ (Midcap và Smallcap) có hiệu suất tốt hơn so với nhóm Bluechips khi lần lượt tăng 5.41% và 5.12%, trong khi nhóm VN30 chỉ có mức tăng 2.46%.
- Thanh khoản toàn thị trường quý 1 đạt 23,723 tỷ đồng, tăng gấp 2.1 lần so với cùng kỳ. Tính riêng tháng 3, thanh khoản đạt 29,136 tỷ đồng, cao gấp 2.8 lần so với cùng kỳ và cũng là tháng cao thứ 2 từ trước đến nay, chỉ sau tháng 3/2022 (33,450 tỷ đồng).
- Khối ngoại bán ròng -11,550 tỷ đồng kể từ đầu năm, áp lực bán ròng tập trung ở sàn HOSE: - 13,863 tỷ đồng và HNX: -484 tỷ đồng, trong khi mua ròng ở Upcom: +2,796 tỷ đồng.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Giao dịch của các quỹ ETF kể từ đầu năm

- Dòng vốn qua kênh ETF cũng bị rút ròng 303 triệu USD (tương đương -7,484 tỷ đồng).
- Phần lớn các quỹ ETF đều bị rút ròng như: Diamond (-174.4 triệu USD), KIM KINDEX Vietnam VN30 (-33.48 triệu USD), Fubon FTSE (-21.17 triệu USD), v.v...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Diamond: FPT (15.55%), MWG (14.52%), PNJ (10.78%), GMD (8.97%), TCB (7.17%), ACB (7.23%), v.v...
- Các cổ phiếu có tỷ trọng cao trong ETF Fubon: HPG (9.77%), VIC (9.14%), VHM (8.84%), VCB (8.51%), MSN (7.6%), VNM (7.64%), v.v...

Country/Region	Netflow	Netflow	Flow%	Assets	#Funds	Inflow	In/Out	Outflow
1) Asia Pacific		+75,510	+5.8	1,297,790	2,918	188,649		-113,140
2) China		+47,442	+13.7	345,980	1,092	105,243		-57,801
3) Japan		+13,456	+2.0	663,471	370	33,285		-19,829
4) Asia Pac ex Japan*		+4,771	+15.8	30,265	76	5,903		-1,132
5) South Korea		+4,571	+12.4	36,951	570	19,993		-15,422
6) India		+4,254	+17.2	24,776	222	4,972		-717
7) Australia		+845	+1.7	49,615	146	2,275		-1,430
8) Taiwan		+676	+1.4	49,574	70	5,169		-4,493
9) ASEAN Countries*		+70	+32.2	216	6	155		-85
10) Asia Pacific*		+28	+0.3	10,163	61	651		-623
11) Singapore		+25	+0.7	3,778	16	192		-168
12) Indonesia		+22	+2.1	1,048	41	160		-138
13) Philippines		+22	+10.8	202	4	25		-3
14) Thailand		+3	+0.4	800	11	21		-18
15) Malaysia		+1	+0.1	741	11	9		-8
16) Pakistan		0	+1.5	14	3	1		0
17) Oceania Region*		0	--	--	1	0		--
18) South East Asia Re...		0	0.0	13	2	0		0
19) Hong Kong		-14	0.0	71,586	112	10,146		-10,161
20) New Zealand		-69	-4.7	1,476	11	17		-86
21) Greater China*		-291	-6.4	4,519	69	392		-683
22) Vietnam		-303	-11.6	2,603	24	40		-344

Name	1D Flow (M USD)	1W Flow (M USD)	1M Flow T (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)	3Y Flow (M USD)
Average	-.52	-2.85	-7.29	-11.19	-19.31	+29.19
Median	.00	.00	.00	-.01	.00	.00
1) DCFVFN Diamond ETF	.00	-33.48	-117.79	-174.37	-332.79	-38.08
2) Fubon FTSE Vietnam ETF	-9.89	-33.09	-29.63	-21.17	-7.23	+767.76
3) Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	.00	-4.13	-20.20	-24.53	-10.39	-6.39
4) DCFVFN30 ETF Fund	.00	-2.13	-17.27	-27.45	-89.95	-105.63
5) SSIAM VNFIN LEAD ETF	-1.20	-1.37	-8.89	-20.63	-108.50	-37.12
6) KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	-2.97	-2.97	-2.97	-33.48	+18.11	+9.24
7) Premia MSCI Vietnam ETF	.00	.00	-1.16	-1.78	-2.98	-4.93
8) Premia MSCI Vietnam ETF	.00	.00	-1.16	-1.78	-2.98	-4.93
9) KIM Growth VN30 ETF	.00	.00	-33	-.01	+11.00	+23.12
10) CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	.00	.00	.00	.00	-.28	-2.38
11) KIM KINDEX Vietnam VN30 Futures Leverage ETF H	.00	.00	.00	.00	-1.70	-9.14
12) Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futur...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
13) Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
14) Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam00	.00	.00	.00	.00	.00
15) Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam...	.00	.00	.00	.00	.00	.00
16) FPT CAPITAL VN30 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
17) IPAAM VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
18) KIM Growth VNFINSELECT ETF	.00	.00	.00	-.05	+8.70	+8.70
19) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	.00	+1.78	+1.96
20) SSIAM VN30 ETF	.00	.00	.00	-1.01	-.46	-2.32
21) VinaCapital VN100 ETF	.00	.00	.00	.00	.00	.00
22) VanEck Vietnam ETF	.00	.00	.00	-.64	-23.70	+160.52
23) DCFVFN Mid Cap ETF	.00	.00	+0.05	+1.87	+5.82	+5.82
24) MAFM VN30 ETF	.00	+0.06	+0.06	-.40	-1.20	+0.08
25) MAFM VNDIAMOND ETF	.00	+1.10	+1.10	+11.26	+11.26	+11.26
26) CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	.00	.00	+0.40	-.13	-2.57	-2.57
27) Global X MSCI Vietnam ETF	.00	.00	+1.93	+1.93	+6.80	+13.13

TOP KHỐI NGOẠI MUA RÒNG 1 TUẦN

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng
PDR	32,100	294,646,530,600
KBC	35,550	188,246,112,700
STB	32,000	185,596,180,600
SSI	39,150	124,179,716,350
VCB	95,700	117,860,255,900
GEX	24,800	93,813,998,450
VPB	19,650	79,264,875,000
GVR	33,050	61,373,250,000
NVL	17,650	56,623,124,300
VSC	23,400	51,625,458,700
HCM	30,050	49,616,111,150
HSG	24,050	41,811,039,250
KDH	37,900	34,689,716,500
FTS	63,400	28,826,061,000

TOP KHỐI NGOẠI MUA RÒNG 1 THÁNG

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng
STB	32,000	587,662,296,350
KBC	35,550	486,341,731,050
SSI	39,150	387,054,299,800
KDH	37,900	365,675,958,550
PDR	32,100	356,921,612,900
NLG	43,800	304,557,594,850
EIB	18,500	257,876,932,600
FTS	63,400	209,485,874,000
PLX	37,550	157,612,934,050
GVR	33,050	137,133,022,750
VIX	21,000	112,293,766,400
PTB	64,100	99,149,492,300
MWG	51,000	98,266,568,650
PHR	63,600	89,425,020,000

TOP KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG 1 TUẦN

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng
MSN	76,000	-1,350,633,108,200
VHM	43,300	-703,032,471,000
VNM	67,700	-671,082,056,700
VND	23,200	-620,771,219,050
VRE	25,650	-299,492,432,550
HPG	30,550	-270,435,705,650
TCB	48,000	-193,118,836,000
PVD	32,200	-135,578,670,000
VIC	47,600	-133,427,994,750
VIX	21,000	-118,491,209,600
VCI	53,700	-101,626,420,700
DIG	32,700	-91,770,090,200
NKG	26,100	-88,883,957,000
DGW	65,800	-88,150,988,000

TOP KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG 1 THÁNG

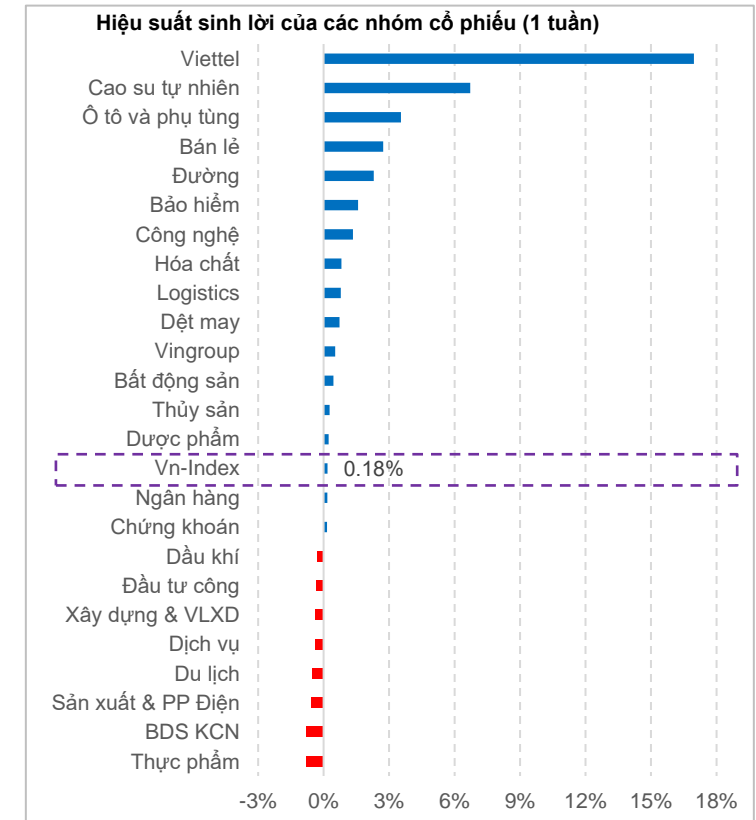
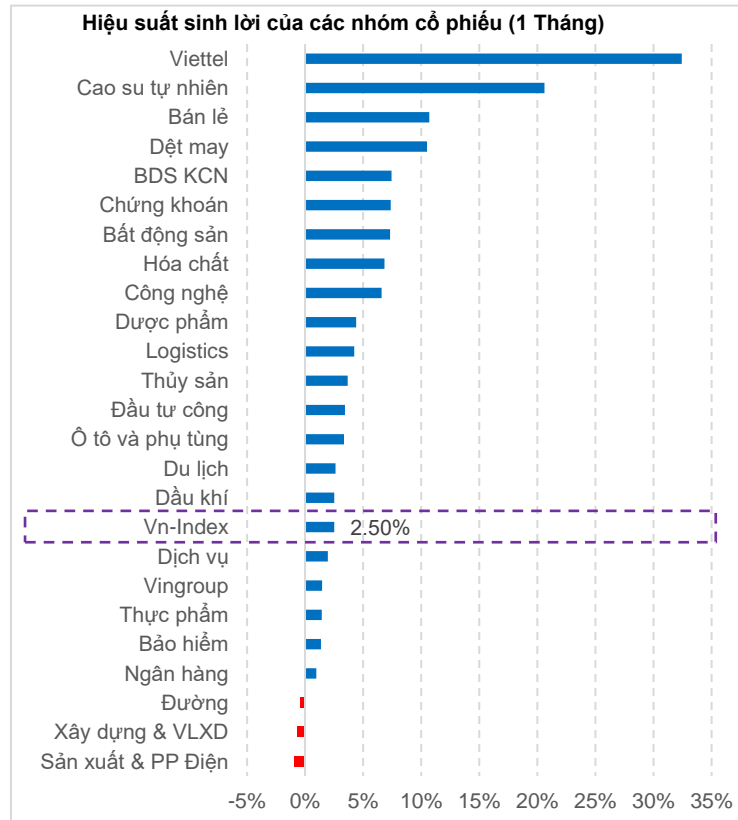
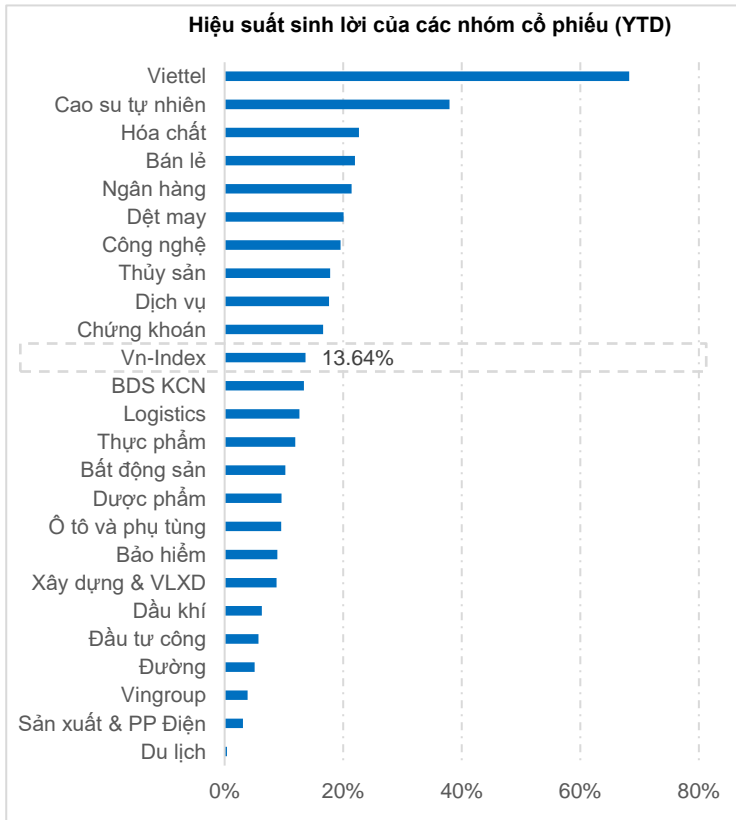
Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng
FUEVFNND	30,850	-2,402,083,692,230
VHM	43,300	-2,220,202,548,750
VNM	67,700	-2,208,282,145,100
MSN	76,000	-1,735,896,215,800
HPG	30,550	-764,515,776,150
VND	23,200	-571,221,341,850
VPB	19,650	-481,430,366,300
PVD	32,200	-473,549,709,150
SAB	57,200	-424,389,193,800
VRE	25,650	-279,592,228,550
BCM	65,300	-267,897,750,000
BID	52,600	-244,108,337,200
SBT	12,500	-242,521,138,700
DCM	35,550	-222,492,527,650

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mặc dù Ngân hàng là nhóm dẫn dắt thị trường tăng điểm, nhưng mức tăng vẫn diễn ra trên diện rộng

- Các nhóm cổ phiếu có hiệu suất vượt trội kể từ đầu năm cũng như trong tháng 3 vừa qua, nổi bật là: Viettel (+68.26% YTD và +32.42% MTD), cao su tự nhiên (+37.94% và +20.61%), Hóa chất (+22.67% và +6.84%), bán lẻ (+21.99% và +10.69%), ...
- Nhóm dịch vụ tài chính cũng có những cổ phiếu rất nổi bật như: Ngân hàng (TCB: +49.53%, MBB: +36.19%, CTG: +31.18%, ...), Chứng khoán (BSI: +33%, CTS: +36%, MBS: +33.48%, VCI: +25.85%, ...).
- Tính riêng trong tháng 3, nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ (Midcap và Smallcap) có hiệu suất tốt hơn so với nhóm Bluechips khi lần lượt tăng 5.41% và 5.12%, trong khi nhóm VN30 chỉ có mức tăng 2.46%.



Nhận định thị trường

- Chỉ số Vn-Index vừa hoàn tất chuỗi tăng 5 tháng liên tiếp (+274 điểm hoặc + 26.85%), chốt ở 1,284.09 điểm. Ở 3 lần trước đó, sau nhịp tăng một mạch 5 tháng liền, thị trường điều chỉnh ở tháng tiếp theo trong quá trình tìm đỉnh cao mới.
- Kể từ năm 2010 đến 2023, chỉ số Vn-Index có 7 lần tăng và 7 lần giảm trong tháng 4, trung bình mức tăng +6.99%, trung bình mức giảm -3.83%, cho cả thời gian trên, thị trường tăng 1.58%. Do vậy, chúng tôi dự phóng thị trường tháng 4 này sẽ dao động trong vùng: 1,250 – 1,310 điểm.
- Với việc nhóm Bluechips (VN30) có dấu hiệu suy yếu ở tháng 3, dòng tiền có khả năng sẽ dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Kết quả kinh doanh quý 1 cùng thông tin ở mùa đại hội cổ đông và hệ thống KRX sẽ chi phối thị trường tháng 4.



Nhận định thị trường

- Một số rủi ro đối với thị trường cần lưu ý:

1. Chỉ số Vn-Index gặp thử thách ở vùng 1,290 – 1,300 điểm, nơi có mặt của trendline vừa là hỗ trợ vừa là kháng cự.
2. Nhóm cổ phiếu Bluechips có dấu hiệu suy yếu, trong đó có tác động từ việc khối ngoại đang tăng cường bán ròng mạnh.
3. Vùng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực: 1,250 – 1,260 điểm.
4. Áp lực về tỷ giá và lãi suất



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		0.18	2.05	13.64
1	VCB	530.40	-1.56	-2.47	18.18
2	BID	296.99	-3.87	-2.62	20.05
3	CTG	190.90	-0.42	-0.14	31.18
4	VHM	186.58	0.12	-2.50	-0.81
5	GAS	184.20	-0.37	3.35	6.23
6	ACV	183.52	-0.93	1.19	28.48
7	VIC	177.26	2.25	5.30	6.84
8	HPG	175.90	-0.98	-1.94	8.23
9	TCB	167.50	5.90	13.62	49.53
10	VPB	156.69	5.05	0.51	2.86
11	FPT	147.95	1.39	5.14	21.23
12	VNM	141.28	-0.29	-4.23	1.29

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	MBB	136.15	1.40	5.83	36.19
14	ACB	110.70	1.24	2.52	19.25
15	MSN	106.17	-5.48	5.25	10.75
16	VGI	95.58	19.78	29.62	71.32
17	GVR	92.07	-0.30	13.72	56.37
18	MCH	89.10	4.23	8.29	52.75
19	MWG	74.72	4.07	9.66	19.39
20	SAB	72.72	-1.05	-3.24	-7.82
21	HDB	69.71	1.26	3.43	18.72
22	BCM	67.17	-1.22	2.04	3.18
23	VIB	62.41	1.65	12.33	29.13
24	BSR	60.15	0.00	-3.50	3.76
25	STB	59.57	-0.16	-1.10	13.06

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		0.18	2.05	13.64
26	VRE	58.74	-3.18	-3.00	10.94
27	SSI	57.72	1.85	3.08	17.38
28	VJC	55.79	0.78	-0.29	-4.63
29	SSB	55.15	-1.12	-3.70	-7.53
30	VEA	50.10	3.86	4.14	9.59
31	PLX	47.39	-1.84	3.90	8.12
32	DGC	46.86	-0.16	8.25	30.72
33	LPB	44.89	4.46	2.93	11.43
34	TPB	42.05	1.87	-3.78	9.77
35	VEF	35.15	13.51	40.94	92.13
36	SHB	34.96	-1.30	-4.20	5.56
37	NVL	33.64	0.88	-0.29	1.17

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	PNJ	33.09	0.41	3.96	15.69
39	EIB	32.03	0.00	0.82	0.27
40	BVH	31.73	0.59	-0.12	8.23
41	OCB	30.72	1.01	-1.32	12.41
42	KDH	30.21	1.89	8.15	20.38
43	HVN	29.89	0.75	5.88	10.20
44	MSB	29.10	-3.32	-7.62	11.92
45	VND	27.95	-5.56	-1.08	3.15
46	KBC	26.83	-2.10	12.02	10.08
47	POW	26.70	-0.87	-2.98	1.33
48	VGC	26.18	0.00	5.23	6.38
49	REE	26.08	-0.47	2.41	12.32
50	GMD	24.38	1.40	-0.99	13.05

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



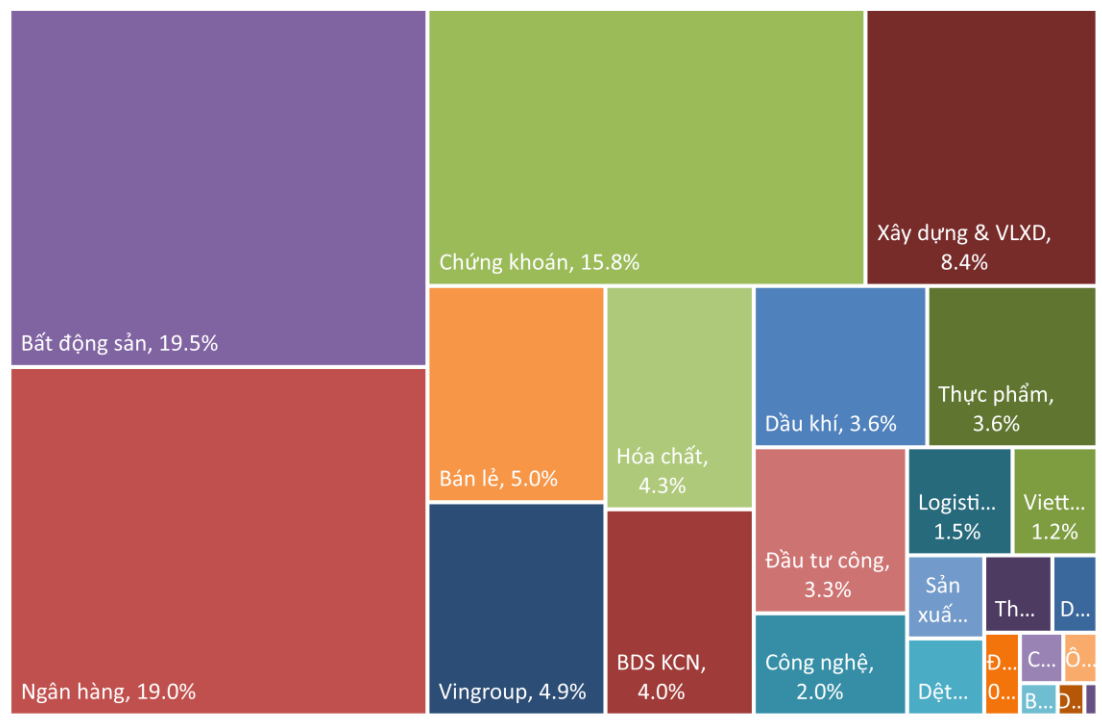
Tác động của tỷ giá lên cổ phiếu – Tích cực

STT	Cổ phiếu	Nhân định	STT	Cổ phiếu	Nhân định
1	DRC	Xuất khẩu thu USD	8	GMD	Đơn giá dịch vụ của GMD neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm 2%/1% LN ròng)
2	GIL	Xuất khẩu thu USD	9	VHC	DN xuất khẩu cá tra sang Mỹ và EU chiếm 65% cơ cấu DT của VHC nên tỷ giá USD tăng sẽ tác động tích cực đến LN
3	PTB	Thị trường mỹ đóng góp khoảng 60% doanh thu cho PTB, phần lớn nguyên liệu đầu vào đều được khai thác nội địa. đối với sản phẩm gỗ, phú tài tự chủ 40% nguồn nguyên liệu gỗ, 30% thu gom trong nước và 30% nhập khẩu từ Uruguay, Brazil, đối với mảng đá nhân tạo, phú tài sở hữu các mỏ đá granite tại Bình Định, Phú Yên, Yên Bái.	10	HAH	Đơn giá dịch vụ của HAH neo theo USD, cơ cấu nợ vay có 1 tỷ trọng nhỏ USD tuy nhiên ảnh hưởng không đáng kể (lỗ tỷ giá 2022-23 chiếm khoảng 2% LN ròng)
4	SCS	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng hóa quốc tế chiếm trên 80%	11	CSM	Xuất khẩu sang Mỹ
5	ACV	Doanh thu USD từ các dịch vụ hàng không quốc tế chiếm trên 60%, cơ cấu nợ vay không gồm USD	12	VGC	Xuất khẩu kính, gạch ceramic ra thị trường EU
6	FPT	Thu dịch vụ ngoại tệ lần lượt bằng USD và JPY là 413tr USD và 52 tỷ JPY, nợ vay USD ~60tr USD đã được hedging 100%, nợ vay JPY ~11 tỷ Yên, được hedging ~50%	13	VCS	70% DT của VCS đến từ thị trường Mỹ vì thế trong bối cảnh giá nguyên liệu bột thạch anh và như Polyester giảm, tỷ giá tăng giúp VCS được LN hưởng lợi.
7	VRE	Doanh thu có đơn giá các hợp đồng tính theo USD, gần như không có nợ vay ngoại tệ			

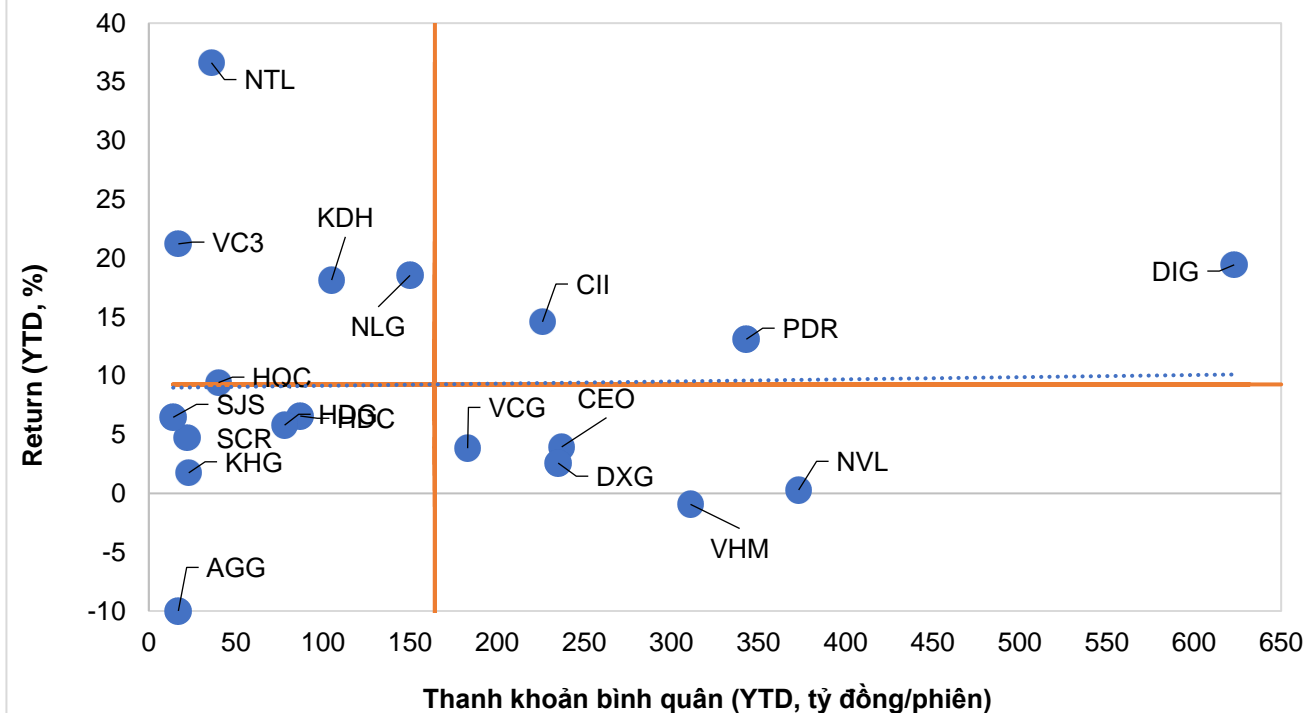
Định vị nhóm cổ phiếu Bất động sản theo tăng trưởng giá cổ phiếu và thanh khoản kể từ đầu năm

- Nhóm cổ phiếu Bất động sản có thanh khoản bình quân 10 tỷ/phiên kể từ đầu năm. Tuần vừa qua, dòng tiền tập trung ở nhóm BĐS chiếm tỷ trọng lớn.
- Ngày 18/01/2024 Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.
- Điểm nổi bật trong Luật Đất đai (sửa đổi) là tập trung tháo gỡ vướng mắc về định giá đất, giúp thị trường BĐS phát triển minh bạch và bền vững hơn.
- Bên cạnh tác động tích cực tới nguồn cung mới của toàn ngành, chúng tôi đánh giá các DN đang sở hữu dự án bị vướng mắc có thể được tháo gỡ nhờ Luật Đất đai (sửa đổi) được thông qua nổi bật gồm KDH, NLG, DXG.

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (1 Tuần)



Định vị nhóm cổ phiếu Bất động sản (YTD)



Các chủ đề đầu tư năm 2024

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



STT	Chủ đề	Đánh giá các khía cạnh tác động	Nhóm ngành có tác động tích cực	DNNY đáng chú ý
1	Áp lực lãi suất và tỷ giá hạ nhiệt	<p>Các doanh nghiệp có tỷ lệ vay nợ nước ngoài cũng như có tỷ lệ đòn bẩy cao sẽ giảm bớt áp lực chi phí tài chính.</p> <p>Thị trường M&A thế giới sôi động trở lại. Lãi suất thấp hơn sẽ kích thích nhu cầu các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội M&A tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam</p> <p>Môi trường lãi suất thấp sẽ kích thích nhu cầu tín dụng. Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng đạt 13% - 14% trong năm 2024.</p>	<p>Bất động sản, năng lượng</p> <p>Các doanh nghiệp đa ngành, sở hữu các dự án năng lượng, bất động sản, khu công nghiệp</p> <p>Ngân hàng, Bất động sản</p>	<p>PC1, HPG, GEX</p> <p>GEX, BCG, PC1, KDH, DXG, BCM, IDC</p> <p>ACB, TCB, STB, VHM, NLG, KDH</p>
2	Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong giai đoạn 2024-25	Năm 2024 được xem là năm bản lề để hoàn thành Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 đồng thời cũng bắt tay vào xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Hiện hầu hết các dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư do đó năm nay là thời điểm đẩy nhanh tiến độ.. Chúng tôi kỳ vọng khi các nút thắt đầu tư những năm trước đã được tháo gỡ (vd: công tác chỉ định thầu đẩy nhanh quá trình giao thầu, việc khai thác các mỏ đất đá mới đã được cấp phép, giá nguyên vật liệu xây dựng đã hạ nhiệt so với giai đoạn 2021-22,...), giải ngân đầu tư công thực tế năm 2024 sẽ đạt khoảng 85 – 90% kế hoạch, tương ứng với tăng trưởng 38% - 45% so với năm 2023.	Nhóm ngành xây dựng hạ tầng, đá, thép	CTR, VCG, C4G, KSB, HPG
3	Trung Quốc phát đi thông điệp ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024	<p>Theo đuổi mục tiêu tăng trưởng, TQ có thể nới lỏng điều kiện hoạt động của các ngành công nghiệp nặng. Điều này có thể dẫn đến giá cả các nguyên vật liệu cơ bản phục vụ cho sản xuất CN tạo đáy và đi lên.</p> <p>Tiêu dùng của Trung Quốc sẽ là động lực quan trọng trong năm 2024. Xu hướng tiêu dùng của người dân TQ trong quý 3 (chỉ tiêu tiêu dùng chiếm tỷ trọng trong thu nhập khả dụng) là 69.8%, không những tốt hơn cùng kỳ trong thời kỳ dịch bệnh, mà còn tốt hơn trước đại dịch. Cầu tiêu dùng Trung Quốc phục hồi sẽ hỗ trợ cho một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu như điện thoại, nông sản,...</p>	<p>Thép, hóa chất, nickel</p> <p>Nhóm doanh nghiệp có tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc lớn như nông sản, thủy sản</p>	<p>HPG, NKG, DGC, PC1</p> <p>ANV, HAG</p>
4	Thị trường BĐS sẽ tích cực	Trong năm 2024 Luật Đất đai sửa đổi 2024 chủ yếu tác động tích cực đến nguồn cung.	Ở giai đoạn đầu của chu kỳ phục hồi, phân khúc nhà hợp túi tiền, xây dựng, vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi trước tiên	KDH, NLG, HPG,

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



5	Cách mạng công nghệ mới	<p>Xu hướng dòng vốn đầu tư công nghệ cao vào Việt Nam đặc biệt sau khi Việt Nam đã nâng tầm đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc thế giới về công nghệ như Mỹ, Nhật.</p> <p>Công nghệ mới (5G, AI,...) còn thúc đẩy chu kỳ sản phẩm mới, kích thích nhu cầu tiêu dùng</p>	<p>Khu công nghiệp, công nghệ, hóa chất</p> <p>Bán lẻ điện tử tiêu dùng</p>	<p>FPT, KBC, IDC, SZC, DGC, PC1</p> <p>FRT, MWG, DGW</p>
6	Nhu cầu năng lượng tăng cao	<p>Tăng giá điện bán lẻ sẽ giúp EVN cải thiện tình hình tài chính, cũng như đẩy mạnh việc chi trả cho các doanh nghiệp điện</p> <p>Cầu huy động nhiệt điện vẫn cao trong bối cảnh pha El Nino vẫn tiếp diễn trong năm 2024</p> <p>Các dự án năng lượng quan trọng được thúc đẩy triển khai nhanh hơn như: Lô B, đường dây 500 KV mạch 3 kéo dài, nhằm đảm bảo cung ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước.</p>	<p>Chủ yếu nhóm nhiệt điện sẽ được hưởng lợi do cải thiện năng lực tài chính</p> <p>Nhiệt điện</p> <p>Các doanh nghiệp xây lắp, cơ khí</p>	<p>POW, QTP, HND</p> <p>POW, QTP, HND</p> <p>PC1, PVS, TV2, GAS</p>
7	Bất ổn địa chính trị gây xáo trộn dòng thương mại toàn cầu	<p>Mặc dù xung đột Nga - Ukraine đang có chiều hướng hạ nhiệt tuy nhiên xung đột tại khu vực Trung Đông lại đang có chiều hướng gia tăng, mới đây nhất là những căng thẳng trên Biển Đỏ. Điều này khiến các hãng tàu phải thay đổi cung đường vận chuyển và đẩy giá cước vận tải lên cao.</p>	<p>Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải dầu khí</p>	<p>HAH, VOS, PVT</p>
8	Hệ thống KRX đưa vào vận hành từ năm sau có là bước đệm cho phát triển thị trường CK	<p>hệ thống KRX sẽ được đi vào vận hành, tạo nền tảng cơ sở để nhiều sản phẩm mới được triển khai, kết hợp với môi trường lãi suất thấp dòng tiền có thể dịch chuyển sang TTCK</p>	<p>Chứng khoán</p>	<p>SSI, VND, VCI, MBS, BSI, FTS</p>
9	Kỳ vọng niêm yết của một số doanh nghiệp lớn	<p>Một số doanh nghiệp lớn đang có kế hoạch niêm yết trên HSX sẽ tạo được sự thu hút quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức và khối ngoại</p>		<p>ACV, BSR, OIL, VTP, ABB</p>

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Ngô Quốc Hưng

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Đỗ Phương Lan

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly